

DANH SÁCH LỚP VẼ CƠ KHÍ - THỨ 2 - 123 - NHÓM 03

STT	MSSV	Họ lót	Tên	BT1	BT2	BT3	BT4	BT5	BT6	BT7	BT8	BT9	BT10	BT	KT		KT	Thi	Cộng	Điểm
														0,2	1	2	0,2	0,6		
1	13118071	Mai Công	Anh	0	6	4	3	4	5	2	3	4	0	0,6	8	1	0,9	3		4,5
2	13118080	Nguyễn Phúc	Bạo	8.5	8	9	8	8	8	7	8	7	7	1,6	9	5	1,4	4	0,5	7,5
3	12153033	Nguyễn Tiểu	Bình	6	6	3	2	2	3	4	3	3	3	0,7	5	1	0,6	1,5		2,8
4	13153042	Tạ Văn	Bình	3	5	1	3	3	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	3		3,3
5	13118089	Bùi Thanh	Cường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	v		V
6	13118092	Phạm Hùng	Cường	7	0	2	6	6	5	4	5	3	0	0,8	5	1	0,6	3,5		4,9
7	13118109	Phạm	Đại	4	6	2	0	6	5	4	4	0	0	0,6	5	1	0,6	2,5		3,7
8	13118113	Phạm Thành	Đạt	0	5	1	2	0	0	2	2	1	0	0,3	5	1	0,6	1,5		2,4
9	13153077	Trương Công	Định	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0,1	0	0	0	x		V
10	13118009	Nguyễn Văn	Dur	5	3	2	0	3	5	0	4	2	0	0,5	0	1	0,1	3		3,6
11	13153006	Nguyễn Tam	Đức	3	7	4	2	5	5	1	0	4	4	0,7	6	1	0,7	1		2,4
12	13118120	Trần Cư	Được	7	7	8	5	6	5	5	4	4	4	1,1	7	1	0,8	1		2,9
13	13118096	Mai Thành	Duy	8.5	7	8	8	8	8	8	8	7	8	1,6	9	1	1	4	0,5	7,1
14	13118008	Nguyễn Hoài Anh	Duy	7	6	0	6	6	5	5	5	4	0	0,9	0	1	0,1	3		4,0
15	13118095	Lưu Trần Tấn	Duy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1		1,0
16	13118126	Lê Xuân	Hà	6	6	3	3	5	5	4	6	4	3	0,9	6	2	0,8	3		4,7
17	13118138	Nguyễn Văn	Hiếu	7	6	3	2	5	5	0	4	4	1	0,7	5	1	0,6	2		3,3
18	13118017	Trần Văn	Hiệu	7	7	5	5	6	6	3	4	3	7	1,1	0	1	0,1	4	0,25	5,4
19	13118146	Nguyễn Quốc	Hòa	6	7	7	5	6	6	5	5	5	5	1,1	7	2	0,9	3,5		5,5
20	13118147	Nguyễn Thái	Hòa	6	7	7		6	7	5	4	0	7	1,1	7	2	0,9	5		7,0
21	12153079	Võ Văn Huy	Hoàng	4	6	1	2	5	6	2	2	0	3	0,6	4	1	0,5	1,5		2,6
22	13118168	Phạm Văn	Hùng	0	4	1	2	0	3	2	2	0	3	0,3	0	1	0,1	2		2,4

STT	MSSV	Họ lót	Tên	BT1	BT2	BT3	BT4	BT5	BT6	BT7	BT8	BT9	BT10	BT	KT		KT	Thi	Cộng	Điểm
23	13118020	Nhữ Sỹ	Hùng	9	9	9	8	8	9	7	8,5	8,5	7	1,7	9	3	1,2	4	0,25	7,1
24	13153120	Trương Ngọc	Hung	7	5	5	6	5	6	2	7	5	0	1	7	5	1,2	3,5	0,5	6,2
25	13118180	Nguyễn Hồng	Khánh	0	7	6	6	6	6	0	6	4	4	0,9	0	1	0,1	2,5		3,5
26	13118022	Trần Anh	Kiệt	6	6	3	0	0	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	1		1,3
27	13118023	Đoàn Nguyễn Anh	Kim	6	6	5	0	4	6	0	4	2	0	0,7	6	3	0,9	3,5		5,1
28	13118190	Trần Văn	La	9	8	9	9	8	9	8	8	8	9	1,7	8	2	1	4	0,25	7,0
29	13118193	Trần Ngọc	Lập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	v		V
30	13118025	Nguyễn Hoàng	Liên	7	7	4	4	4	5	3	5	3	4	0,9	6	3	0,9	3		4,8
31	13118026	Nguyễn Hoàng	Linh	8	7	5	4	6	6	3	7	5	2	1,1	5	3	0,8	3	0,25	5,1
32	13118196	Lê Văn	Linh	0	6	2	3	6	6	5	5	4	3	0,8	7	1	0,8	1		2,6
33	13118203	Nguyễn Hữu	Lợi	8.5	7	6		6	6	5	3	4	6	1,1	0	1	0,1	2		3,2
34	12118008	Lương Hữu	Minh	6	7	3	4	6	6	0	2	4	5	0,9	3	1	0,4	1,5		2,8
35	13118031	Trương Minh	Nghĩa	6	6	3	4	6	6	3	0	4	5	0,9	6	1	0,7	1,5		3,1
36	13118035	Nguyễn Đình	Nhật	6	6	4	4	4	5	3	4	4	0	0,8	8	1	0,9	1	0,25	3,0
37	13153170	Lê Minh	Phi	6	5	0	3	0	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	v		V
38	13118236	Đặng Đình	Phố	8	0	7	6	7	7	5	7	5	5	1,1	0	1	0,1	3		4,2
39	13118238	Hà Thanh	Phương	7	7	5	5	7	7	5	7	5	5	1,2	0	2	0,2	3		4,4
40	13118241	Ngô Duy	Quang	6	6	0	0	0	5	5	6	5	5	0,8	0	1	0,1	2		2,9
41	13118042	Phạm Hoàng	Quý	6	6	2	2	3	5	5	6	0	5	0,8	5	1	0,6	1,5		2,9
42	13118257	Vũ Tuấn	Son	6	6	2	0	5	0	2	4	3	0	0,6	4	1	0,5	1,5		2,6
43	13118260	Lê Nguyễn Thành	Tài	9	9	9	7	8	9	8	8	8	7	1,6	9	2	1,1	3		5,7
44	13153021	Cao Thanh	Tân	7	5	0	0	0	3	0	0	0	0	0,3	5	1	0,6	1,5		2,4
45	13118052	Cao Ngọc	Thận	8	7	4	4	7	8	3	3	2	5	1	5	2	0,7	3,5	0,25	5,5
46	13153216	Lê Bửu	Thi	8	5	1	3	5	5	3	5	2	4	0,8	5	2	0,7	2,5	0,25	4,3

STT	MSSV	Họ lót	Tên	BT1	BT2	BT3	BT4	BT5	BT6	BT7	BT8	BT9	BT10	BT	KT		KT	Thi	Cộng	Điểm
47	13118053	Trần Thế	Thiện	7	7	6	5	6	6	4	5	5	4	1,1	5	1	0,6	3		4,7
48	13153224	Lê Tự Quốc	Thông	7	7	5	6	5	6	4	4	5	7	1,1	8	3	1,1	3,5		5,7
49	13118286	Phan Minh	Thông	7	7	6	6	5	6	5	7	3	4	1,1	6	2	0,8	1,5		3,4
50	13118294	Đỗ Thanh	Tiến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0 _v			V
51	13153232	Nguyễn Thành	Tiến	7.5	6	5	0	5	6	2	4	4	0	0,7	6	1	0,7	1,5		2,9
52	13153238	Mai Thanh	Tính	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0,1	0	0	0 _x			V
53	13118308	Phạm Văn	Trăng	8	8	8	7	7	8	6	8	7	7	1,5	7	1	0,8	3	0,25	5,5
54	12153194	Đặng Minh	Trọn	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0,1	4	1	0,5	1,5		2,1
55	13118059	Trần Văn	Trọng	7	7	5	5	6	7	2	4	4	4	1	0	3	0,3	4,5		5,8
56	13118058	Lê Quang	Trọng	7	8	5	5	8	8	5	6	5	7	1,3	6	2	0,8	1	0,25	3,3
57	13118318	Nguyễn Đức	Trung	9	8	9	8	8	8	7	8,5	7	8	1,6	9	2	1,1	4	0,25	7,0
58	13118319	Nguyễn Huy	Trung	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0,2	0	0	0 _v			V
59	13118364	Trương Công Hoài	Trung	0	8	7	6	6	7	5	4	4	0	0,9	6	2	0,8	3	0,5	5,2
60	13118324	Phạm Ngọc	Truyền	6	5	2	5	0	2	4	2	1	0	0,5	5	1	0,6	3,5		4,6
61	13118334	Nguyễn Duy	Tuấn	5	5	0	0	0	5	5	3	2	0	0,5	7	1	0,8	1		2,3
62	13118061	Nguyễn Duy	Tuấn	7	7	4	5	3	5	4	7	5	5	1	5	1	0,6	1,5		3,1
63	13118063	Lê Văn	Tuợu	6	7	3	6	6	6	1	5	3	0	0,9	7	1	0,8	4,5		6,2
64	13118349	Dương Đức	Vinh	7	6	6	5	6	6	5	5	0	5	1	5	2	0,7	3		4,7
65	13153027	Đào Hoàng	Vinh	7	6	5	6	5	6	3	3	4	5	1	7	1	0,8	3		4,8